

KHẢ QUAN - Giá mục tiêu 1 năm: 69.000 Đồng/cp

Giá cổ phiếu (Ngày 06/10/2022): 49.900 Đồng/cp

Nguyễn Trần Phương Nga

ngantp@ssi.com.vn

+84 – 28 3636 3688 ext. 3050

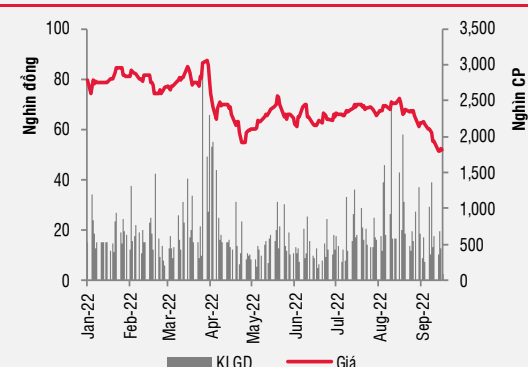
Ngày 06/10/2022

NGÀNH CAO SU TỰ NHIÊN

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	294,6
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	7.032,4
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	135
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	90,7/ 49,2
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	695.055,4
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	1,89
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	45,1
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	12,0
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	66,6

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

PHR thành lập vào năm 1993 là công ty con của Tập đoàn Cao su Việt Nam. Công ty phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết trên HOSE vào năm 2008. Mạng kinh doanh chính của PHR là trồng cây cao su tự nhiên. Công ty có công ty con và công ty liên kết điều hành Khu công nghiệp. Trong 5 công ty cao su tự nhiên lớn nhất, PHR là công ty có sản lượng tiêu thụ lớn nhất (30 nghìn tấn vào năm 2016) so với các công ty niêm yết khác là DPR (18,6 nghìn tấn), TRC (10,9 nghìn tấn) và HRC (2,8 nghìn tấn). Danh mục sản phẩm của công ty bao gồm SVR CV50 & 60 (40%), SRV L&3L (hơn 20%), và SRV 10 (24%).

Tăng trưởng lợi nhuận bền vững trong 6 tháng cuối năm 2022 nhờ thu nhập từ đền bù đất

Trong 6 tháng đầu năm 2022, PHR công ty mẹ đạt doanh thu và LNTT lần lượt đạt 542 tỷ đồng (giảm 8% so với cùng kỳ) và 311 tỷ đồng (tăng 328% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 40% và 35% kế hoạch năm, nhờ thu nhập từ đền bù đất một lần đạt mức 289 tỷ đồng, được ghi nhận trong quý 1/2022. Chúng tôi ước tính PHR sẽ ghi nhận thêm khoản thu nhập từ đền bù đất là 401 tỷ đồng trong quý 4/2022, từ đó nâng LNST hợp nhất trong 6 tháng cuối năm 2022 lên 408 tỷ đồng (tăng 38% so với cùng kỳ), và giúp công ty hoàn thành kế hoạch cả năm. Năm 2022, chúng tôi ước tính lợi nhuận đạt 917 tỷ đồng (tăng 79% so với cùng kỳ), sau đó có thể giảm xuống 630 tỷ đồng (giảm 31% so với cùng kỳ) vào năm 2023 do thu nhập từ đền bù đất một lần giảm (690 tỷ đồng năm 2022 so với 208 tỷ đồng năm 2023). Thu nhập từ đền bù đất chiếm lần lượt 60% và 27% lợi nhuận của PHR trong năm 2022 và 2023.

Từ năm 2024, PHR sẽ ghi nhận thu nhập liên quan đến khu công nghiệp thông qua các công ty liên doanh (VSIP 3 và NTC), giúp công ty ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận đáng kể từ việc cho thuê khu công nghiệp VSIP 3 (1.000 ha) và khu công nghiệp Nam Tân Uyên 3 (351 ha).

Nhu cầu đối với các khu công nghiệp đang gia tăng mạnh mẽ nhờ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam ngày càng tăng, thể hiện qua giá cho thuê liên tục tăng lên. Tuy nhiên, ngành vẫn tiềm ẩn rủi ro, chẳng hạn như (1) thủ tục phức tạp trong việc chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng cao su sang phát triển khu công nghiệp, (2) quá trình xin cấp phép thành lập KCN mới từ Chính phủ có thể bị kéo dài.

Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm cho cổ phiếu PHR là 69.000 đồng/cổ phiếu dựa trên phương pháp SOTP, tương đương với khuyến nghị KHẢ QUAN. Công ty có vị thế tiền mặt ròng cao (khoảng 24% vốn hóa thị trường hiện tại) và việc đầu tư cho hoạt động kinh doanh khu công nghiệp đầy hứa hẹn có thể là một lựa chọn an toàn trong bối cảnh lãi suất tăng cao như hiện nay.

Quan điểm ngắn hạn: Chúng tôi dự báo lợi nhuận quý 3 năm 2022 sẽ giảm ở mức một con số do thiếu thu nhập từ tiền đền bù đất. Điều này cùng với việc bán tháo trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu PHR. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng giá cổ phiếu PHR có thể tăng trở lại trong quý 4/2022 cùng với việc ghi nhận thu nhập một lần từ đền bù đất, cho phép công ty đạt mức tăng trưởng lợi nhuận ròng 73% so với cùng kỳ trong quý 4/2022, theo ước tính của chúng tôi.

	Phương pháp định giá	Định giá (tỷ đồng)	Kịch bản kém khả quan	Kịch bản cơ sở	Kịch bản khả quan
Mảng hoạt động cốt lõi (cao su tự nhiên, thanh lý cây, gỗ, thu nhập từ lãi)	P/E - dựa trên P/E mục tiêu là 10x	1.780	1.780	1.780	1.780
NTC – nắm giữ 32,85% cổ phần	RNAV	1.656	1.656	1.656	1.656
Tân Bình giai đoạn I – nắm giữ 80% cổ phần	DCF	127	127	127	127
Thu nhập bồi thường đất (VSIP3 - tiền mặt)		697	697	697	697
VSIP3 – nắm giữ 36% cổ phần	DCF	2.055	2.055	2.055	2.055
Tân Lập – nắm giữ 51% cổ phần	DCF	1.678		1.343	1.678
Tân Bình giai đoạn II – nắm giữ 80% cổ phần	DCF	4.675			2.805
Thu nhập bồi thường đất (xử lý chất thải rắn)		800			480
Tổng			6.315	7.658	11.279
Tiền mặt ròng thời điểm quý 2/2022			1.685	1.685	1.685
Tổng			8.001	9.343	12.964
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			135.499.198	135.499.198	135.499.198
Giá hợp lý thời điểm tháng 12 năm 2023			59.046	68.956	95.678

	2020	2021	2022F	2023F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.632	1.945	2.025	2.126
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	1.125	513	917	630
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	130,6%	-54,4%	78,7%	-31,3%
EPS (VND)	7.430	3.079	5.415	3.719
ROE (%)	38,1%	16,0%	28,6%	19,2%
Nợ/VCSH	0,19	0,13	0,17	0,18
Tỷ suất cổ tức (%)	7%	4%	8%	8%
P/E (x)	8,5	23,2	9,5	13,8
P/B (x)	2,7	3,2	2,2	2,2
EV/EBITDA (x)	4,4	11,0	5,5	7,7

Nguồn: SSI Research

KQKD 6 tháng đầu năm 2022

Trong 6 tháng đầu năm, doanh thu và LNTT hợp nhất của PHR lần lượt đạt 607 tỷ đồng (giảm 17% so với cùng kỳ) và 427 tỷ đồng (tăng 119% so với cùng kỳ). Doanh thu và LNTT của công ty mẹ lần lượt là 542 tỷ đồng (giảm 8% so với cùng kỳ) và 311 tỷ đồng (tăng 328% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 40% và 35% kế hoạch năm.

- Cao su tự nhiên: PHR đã bán được 12,7 nghìn tấn (giảm 6% so với cùng kỳ) cao su tự nhiên. Giá bán bình quân của cao su tự nhiên giảm xuống 42,5 triệu đồng (giảm 3% so với cùng kỳ), do sản lượng cao su từ các công ty con ngày càng nhiều hơn, mà giá bán tại các công ty con này thường thấp hơn do cây cao su non hơn.
- Khu công nghiệp (Tân Bình giai đoạn 1): doanh thu giảm 6% so với cùng kỳ xuống 29 tỷ đồng. Đây là khoản phân bổ hàng năm và công ty không ghi nhận doanh thu từ các việc cho thuê mới trong cả 6 tháng đầu năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2021.

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm từ 17,7% trong 6 tháng đầu năm 2021 xuống 16% trong 6 tháng đầu năm 2022 do giá cao su tự nhiên giảm.

Công ty đã nhận được khoản thu nhập ghi nhận một lần từ đền bù đất là 289 tỷ đồng trong quý 1/2022, do đó đã nâng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2022 lên 427 tỷ đồng (tăng 119% so với cùng kỳ). Nếu loại trừ thu nhập ghi nhận một lần từ đền bù đất, lợi nhuận trước thuế sẽ giảm 29% so với cùng kỳ.

Triển vọng 2022-2023

Cao su tự nhiên: Bất chấp nền kinh tế toàn cầu dần mở cửa trở lại và giá dầu cao, giá xuất khẩu cao su tự nhiên chỉ tăng 4% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm do nhu cầu từ Trung Quốc vẫn còn hạn chế khi quốc gia này vẫn duy trì các biện pháp giãn cách xã hội. Trung Quốc sẽ tăng sản xuất lốp xe sau khi các biện pháp giãn cách xã hội được dỡ bỏ, điều này sẽ hỗ trợ giá cao su tự nhiên. Tuy nhiên, với sự điều chỉnh mạnh của giá dầu trong thời gian sắp tới, chúng tôi cho rằng giá cao su tự nhiên có thể chỉ tăng ở mức thấp một con số trong 6 tháng cuối năm 2022 và 2023. Chúng tôi ước tính giá bán trung bình trong năm 2022 và 2023 cho cao su tự nhiên lần lượt ở mức 42,6 triệu đồng/tấn (tăng 2% so với cùng kỳ, so với 43,5 triệu đồng/tấn trong dự báo trước) và 43,8 triệu đồng/tấn (tăng 3% so với cùng kỳ, so với 45 triệu đồng/tấn trong dự báo trước), trong khi sản lượng tiêu thụ lần lượt ở mức 36,5 nghìn tấn (tăng 3% so với cùng kỳ, không đổi so với dự báo trước) và 39 nghìn tấn (tăng 7% so với cùng kỳ, không đổi so với dự báo trước).

Khu công nghiệp (Tân Bình giai đoạn 1): Trong 6 tháng đầu năm 2022, PHR không ghi nhận doanh thu cho thuê mới. Chúng tôi kỳ vọng PHR sẽ ghi nhận doanh thu từ việc cho thuê mới (5 ha với giá thuê 115 USD/m²) trong quý 4 năm 2022. Cùng với khoản phân bổ khấu hao từ các năm trước (89 tỷ đồng, chiếm khoảng 40% doanh thu mảng khu công nghiệp), chúng tôi ước tính doanh thu từ việc cho thuê khu công nghiệp đạt 221 tỷ đồng (giảm 14% so với cùng kỳ) vào năm 2022. Cho năm 2023, chúng tôi dự báo doanh thu tăng 18% so với cùng kỳ lên 261 tỷ đồng, với giá định diện tích cho thuê mới đạt 6 ha với giá thuê 125 USD/m² (tăng 9% so với cùng kỳ).

Chúng tôi kỳ vọng PHR sẽ ghi nhận thu nhập từ đền bù đất là 691 tỷ đồng vào năm 2022 và 207 tỷ đồng vào năm 2023. Trong nửa đầu năm 2022, công ty đã ghi nhận 289 tỷ đồng, do đó, 401 tỷ đồng còn lại có thể sẽ nhận được trong quý 4/2022. Đây sẽ là động lực tăng trưởng chính cho PHR trong năm 2022. Thu nhập từ thanh lý cây cao su được đặt ở mức 30 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ) trong năm 2022 và 30 tỷ đồng trong năm 2023.

Do chậm trễ trong việc cấp phép của KCN Nam Tân Uyên 3, chúng tôi giảm giá định thu nhập năm 2022 và 2023 của NTC xuống còn 79 và 242 tỷ đồng (từ 278 và 278 tỷ đồng).

Ước tính của chúng tôi như sau:

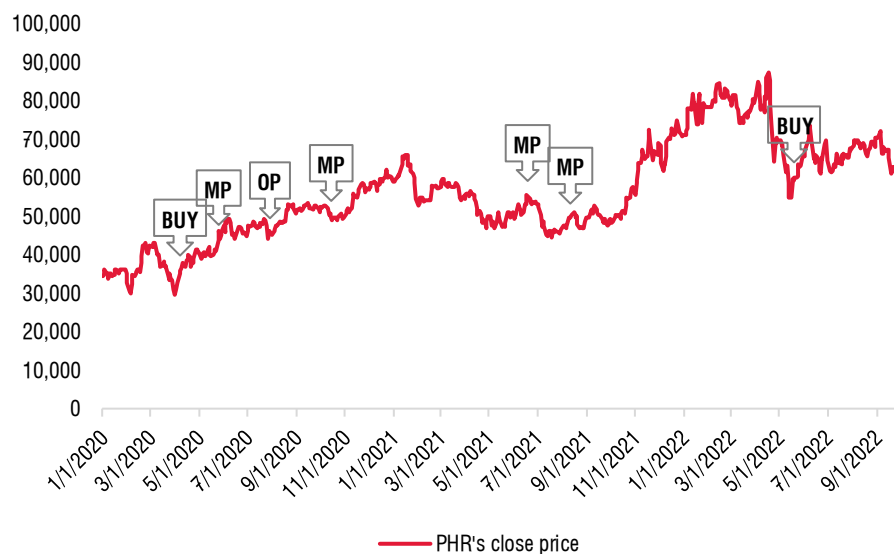
	2020	2021	2022F	2023F
Doanh thu thuần	1.632	1.945	2.025	2.126
So với cùng kỳ	-0,4%	19,2%	4,1%	5,0%
Lợi nhuận gộp	389	517	439	410
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23,8%	26,6%	21,7%	19,3%
Lợi nhuận ròng	1.125	513	917	630
So với cùng kỳ	130,6%	-54,4%	78,7%	-31,3%

Nguồn: SSI Research

Cơ cấu lợi nhuận	2020	2021	2022	2023
Cao su tự nhiên	3%	18%	9%	16%
Khu công nghiệp (Tân Bình giai đoạn 1)	15%	37%	14%	11%
Thu nhập lãi thuần và thu nhập từ NTC	13%	40%	14%	42%
Thanh lý cây	7%	5%	3%	4%
Bồi thường đất	63%	0%	60%	27%
Khác	0%	1%	0%	1%
Tổng	100%	100%	100%	100%

Nguồn: SSI Research

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2020	2021	2022F	2023F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	428	139	1.139	1.357
+ Đầu tư ngắn hạn	2071	1898	1.898	1.898
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	241	273	322	338
+ Hàng tồn kho	294	336	425	460
+ Tài sản ngắn hạn khác	77	92	109	115
Tổng tài sản ngắn hạn	3.111	2.738	3.893	4.168
+ Các khoản phải thu dài hạn	2	0	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	1.781	1.744	1.641	1.538
+ Bất động sản đầu tư	175	202	193	184
+ Tài sản dài hạn dở dang	574	531	548	553
+ Đầu tư dài hạn	414	376	246	246
+ Tài sản dài hạn khác	482	435	564	609
Tổng tài sản dài hạn	3.428	3.289	3.192	3.129
Tổng tài sản	6.539	6.027	7.085	7.297
+ Nợ ngắn hạn	1.137	1.192	1.544	1.670
Trong đó: vay ngắn hạn	116	176	238	257
+ Nợ dài hạn	2.091	1.726	2.240	2.365
Trong đó: vay dài hạn	528	242	317	343
Tổng nợ phải trả	3.228	2.918	3.784	4.034
+ Vốn góp	1.355	1.355	1.355	1.355
+ Thặng dư vốn cổ phần	21	21	21	21
+ Lợi nhuận chưa phân phối	531	291	483	445
+ Quý khác	1404	1442	1442	1442
Vốn chủ sở hữu	3.311	3.109	3.301	3.263
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	6.539	6.027	7.085	7.297
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	784	255	1.273	715
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-751	315	131	0
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-275	-858	-404	-497
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-243	-288	1.000	219
Tiền đầu kỳ	670	428	139	1.139
Tiền cuối kỳ	428	139	1.139	1.357
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,74	2,3	2,52	2,5
Hệ số thanh toán nhanh	2,41	1,94	2,18	2,15
Hệ số thanh toán tiền mặt	2,2	1,71	1,97	1,95
Nợ ròng / EBITDA	0,02	0,34	-0,12	-0,72
Khả năng thanh toán lãi vay	28,43	31,38	44,02	28,31
Ngày phải thu	18,7	12,6	13,5	14,6
Ngày phải trả	18,9	13,1	14	15,8
Ngày tồn kho	91,2	80,5	87,6	94,1
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,51	0,52	0,47	0,45
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,49	0,48	0,53	0,55
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,97	0,94	1,15	1,24
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,19	0,13	0,17	0,18
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,06	0,07	0,08

Nguồn: Công ty, SSI ước tính

Tỷ đồng	2020	2021	2022F	2023F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	1.632	1.945	2.025	2.126
Giá vốn hàng bán	-1.243	-1.429	-1.586	-1.716
Lợi nhuận gộp	389	517	439	410
Doanh thu hoạt động tài chính	188	237	168	292
Chi phí tài chính	-54	-26	-33	-36
Thu nhập từ các công ty liên kết	38	-13	19	61
Chi phí bán hàng	-29	-32	-36	-38
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-84	-115	-122	-128
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	447	567	436	561
Thu nhập khác	935	31	711	227
Lợi nhuận trước thuế	1.382	597	1.147	787
Lợi nhuận ròng	1.125	513	917	630
Lợi nhuận chia cho cổ đông	1.082	478	917	630
Lợi ích của cổ đông thiểu số	43	36	0	0
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	7430	3079	5.415	3.719
Giá trị sổ sách (VND)	23.596	22.053	23.469	23.187
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	4500	2500	4000	4000
EBIT	1.433	617	1.173	816
EBITDA	1.536	730	1.285	928
Tăng trưởng				
Doanh thu	-0,40%	19,20%	4,10%	5,00%
EBITDA	112,60%	-52,50%	76,00%	-27,80%
EBIT	124,80%	-56,90%	90,10%	-30,40%
Lợi nhuận ròng	130,60%	-54,40%	78,70%	-31,30%
Vốn chủ sở hữu	27,30%	-6,10%	6,20%	-1,20%
Vốn điều lệ	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Tổng tài sản	11,70%	-7,80%	17,50%	3,00%
Định giá				
PE	8,5	23,2	9,5	13,8
PB	2,7	3,2	2,2	2,2
Giá/Doanh thu	5,2	5	3,4	3,3
Tỷ suất cổ tức	7,10%	3,50%	7,80%	7,80%
EV/EBITDA	4,4	11,00	5,5	7,7
EV/Doanh thu	4,1	4,1	3,5	3,3
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23,80%	26,60%	21,70%	19,30%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	23,10%	24,20%	17,40%	22,60%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	69,00%	26,40%	45,30%	29,60%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	1,80%	1,60%	1,80%	1,80%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	5,20%	5,90%	6,00%	6,00%
ROE	38,10%	16,00%	28,60%	19,20%
ROA	18,20%	8,20%	14,00%	8,80%
ROIC	33,00%	14,20%	25,40%	16,90%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Phân tích Ngành Cao su tự nhiên

Nguyễn Trần Phương Nga

Chuyên viên Phân tích cao cấp

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: +84 – 28 3636 3688 ext. 3050

Chiến lược thị trường

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715